

Số: 537 /NHNN-VP
V/v trả lời kiến nghị của cử tri tại
Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Kính gửi:
CÔNG VĂN ĐẾN
Già C. ngày .. 05/3
Kính chuyển: V. III

- Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nhận được 04 kiến nghị của cử tri thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của NHNN do Ban Dân nguyện và Văn phòng Chính phủ chuyển đến sau Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII. NHNN trả lời kiến nghị của cử tri như sau:

1. Kiến nghị 1: “Cử tri cho rằng, thời gian qua việc thực hiện chính sách bình ổn thị trường vàng không theo quy luật thị trường nên không có tác dụng, giá vàng trong nước luôn có độ chênh lệch lớn so với giá vàng thế giới. Đề nghị có giải pháp khắc phục tình trạng này”.

Trả lời:

Việt Nam là nước nhập khẩu vàng và chịu nhiều ảnh hưởng từ yếu tố tâm lý, tập quán nắm giữ vàng của người dân. Trong suốt một thời gian dài trước đây, thị trường vàng Việt Nam luôn biến động bất thường và là nhân tố gây bất ổn thị trường ngoại hối, tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô. Trước bối cảnh đó, NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (Nghị định 24) để tổ chức, sắp xếp lại thị trường vàng, nâng cao vai trò điều tiết của Nhà nước đối với thị trường.

Trên cơ sở khuôn khổ pháp lý mới về quản lý thị trường vàng đã được xác lập, thời gian qua NHNN đã quyết liệt triển khai các giải pháp đồng bộ để quản lý thị trường vàng theo Nghị định 24 và các biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng của giá vàng đến tỷ giá và điều hành chính sách tiền tệ.

Năm 2013, trong bối cảnh thị trường vàng đang biến động phức tạp, NHNN đã kịp thời bình ổn, dẫn dắt thị trường thông qua hoạt động đấu thầu bán vàng miếng, nhờ vậy thị trường vàng trong nước đã phát huy vai trò tự điều tiết, dần trở lại trạng thái cân bằng và ổn định.

Sang năm 2014, mặc dù giá vàng thế giới biến động lớn và phức tạp (có thời điểm giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây) nhưng thị trường vàng trong nước tiếp tục duy trì được xu hướng ổn định, thị trường vàng tự điều tiết, cung cầu vàng miếng tương đối cân bằng, không còn các cơn “sốt vàng” gây bất ổn xã hội. Do đó, NHNN không phải thực hiện can thiệp, bình ổn thị trường thông qua đấu thầu bán vàng miếng.

Với những kết quả đã đạt được, có thể khẳng định, đến nay thị trường vàng đã được sắp xếp lại một cách cơ bản; trật tự, kỷ cương trên thị trường đã

được xác lập, tạo tiền đề phục vụ tốt hơn cho nhu cầu của người dân. Nhờ đó, một phần nguồn vốn nhân rồi bằng vàng trong nền kinh tế đã được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, lạm phát đã được kiểm soát, thị trường tiền tệ và tỷ giá diễn biến ổn định, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng.

Riêng về chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới: Thời gian qua, có một số thời điểm chênh lệch giữa giá vàng trong nước với giá vàng thế giới ở mức khá cao do thị trường vàng thế giới biến động mạnh trong khi thị trường vàng trong nước vẫn duy trì được xu hướng ổn định. Tuy có chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế nhưng không xảy ra các yếu tố gây bất ổn thị trường, nhu cầu mua, bán vàng miếng đã giảm mạnh, không còn hiện tượng bán ra hay mua vào ồ ạt gây xáo trộn thị trường như giai đoạn trước đây. Việc thu hẹp chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới trong ngắn hạn, nhất là khi giá vàng thế giới biến động mạnh, ở chừng mực nào đó sẽ có tác động bất lợi đến ổn định kinh tế vĩ mô vì tạo ra biến động lớn về giá vàng trong nước, tạo điều kiện cho yếu tố đầu cơ xuất hiện.

Trong thời gian tới, NHNN tiếp tục áp dụng các giải pháp đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả để quản lý chặt chẽ thị trường vàng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; tiếp tục thực hiện mục tiêu chống “vàng hóa” trong nền kinh tế, đảm bảo thị trường vàng diễn biến ổn định, đảm bảo biến động của giá vàng không ảnh hưởng đến tỷ giá, thị trường ngoại hối và sự ổn định kinh tế vĩ mô theo đúng quy định tại Nghị định 24 và chủ trương của Đảng, Nhà nước về quản lý thị trường vàng.

2. Kiến nghị 2: *“Đề nghị nghiên cứu, xem xét tăng mức và thời hạn cho vay đối với nông dân, các hợp tác xã nông nghiệp để đảm bảo có đủ thời gian sử dụng vốn có hiệu quả”.*

Trả lời:

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, do đó thời gian qua, các cấp, các ngành đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, trong đó có chính sách về vốn. Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành Nghị định 41/2010/NĐ-CP (Nghị định 41) ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Sau hơn 4 năm triển khai, chính sách mới đã giúp các đối tượng khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tiếp cận được nhiều hơn nguồn vốn tín dụng ngân hàng, góp phần quan trọng giúp lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phát triển ổn định và đạt được những kết quả to lớn, tạo khí thế phấn khởi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong cả nước¹.

¹ Tính đến 31/12/2014, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn ước đạt 758.000 tỷ đồng, tăng khoảng 12,8% so với cuối năm 2013, chiếm khoảng 19,3% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế và tăng gấp 2,4 lần so với cuối năm 2009 (năm trước khi có Nghị định 41).

Tuy nhiên, đến nay, Nghị định 41 cũng bộc lộ một số điểm không còn phù hợp với tình hình thực tế, trong đó có vấn đề mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản và thời hạn cho vay. Trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện Nghị định 41, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành và chính quyền địa phương dự thảo và trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định 41 (ngày 15/12/2014), trong đó có nội dung về mức cho vay không có tài sản bảo đảm và thời hạn cho vay. Cụ thể:

(i) Mức cho vay không có tài sản bảo đảm được nâng lên gấp từ 1,5 – 2 lần đối với từng đối tượng để đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới; Ngoài ra, đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản xa bờ, cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu vốn lớn trong sản xuất nông nghiệp được áp dụng các mức cho vay không có tài sản bảo đảm cao hơn (từ 500 triệu đồng – 03 tỷ đồng);

(ii) Quy định về phương thức cho vay lưu vụ để đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng trong việc sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi có tính mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liên kế trong năm nhằm tạo cơ sở pháp lý để các tổ chức tín dụng đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, mở rộng cho vay và khách hàng có thể làm việc với các TCTD để thỏa thuận thời hạn vay vốn phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh.

3. Kiến nghị 3: “Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành chức năng tăng cường hỗ trợ người nông dân về vay vốn mua máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, mua phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng” ✕

Trả lời:

Để tạo điều kiện cho người nông dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng với lãi suất hợp lý, NHNN thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các TCTD tập trung nguồn vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là cho vay đối với nhu cầu nâng cao quá trình cơ giới hoá và áp dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; Chỉ đạo TCTD đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, áp dụng nhiều phương thức cho vay và mở rộng cho vay đối với hộ nông dân không phải thế chấp tài sản theo quy định tại Nghị định 41/2010/NĐ-CP và hướng dẫn của NHNN. Đồng thời, từ năm 2012 đến nay, NHNN đã nhiều lần điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên trong đó có lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (hiện nay là 7%/năm²); Yêu cầu các TCTD thường xuyên xem xét điều chỉnh giảm lãi suất cho vay của các khoản cho vay cũ về mức lãi suất cho vay hiện hành.

Sau 4 năm thực hiện Nghị định 41, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổng kết tình hình thực hiện, trên cơ sở đó, đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định 41 cho phù hợp với tình hình hiện nay, trong đó có nội dung nâng mức vay và thời hạn cho vay, đáp ứng nhu cầu về

² Thấp hơn lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất thông thường khác từ 1-2%/năm; thậm chí các doanh nghiệp tốt, hoạt động hiệu quả, có phương án kinh doanh khả thi còn được vay với lãi suất thấp chỉ từ 5-6%/năm.

vốn của người dân phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn (nội dung dự kiến sửa đổi như đã nêu tại kiến nghị 2).

Riêng về chính sách hỗ trợ nông dân đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, từ năm 2010, Nhà nước đã có chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất để nông dân mua sắm máy móc, trang thiết bị (Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010) và liên tục sửa đổi, bổ sung (Quyết định 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013) cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông sản, hạn chế tổn thất sau thu hoạch, tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi, phục vụ cơ giới hóa, ứng dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất. Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã chỉ đạo các TCTD tích cực triển khai cho vay chương trình này. Tính đến cuối tháng 12/2014, tổng dư nợ cho vay theo chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp đạt 1.848 tỷ đồng, tăng 28,7% so với cuối năm 2013.

Ngoài ra, NHNN đã chủ động nghiên cứu, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai các chương trình, chính sách góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, tăng năng suất, ổn định chất lượng, tạo thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, như: Mô hình cánh đồng mẫu lớn; Mô hình sản xuất áp dụng công nghệ cao; Mô hình liên kết chuỗi sản xuất chế biến-tiêu thụ, xuất khẩu,...các sản phẩm nông nghiệp.

4. Kiến nghị 4: *“Hiện nay các doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng, có trường hợp giá trị thực của tài sản thế chấp lớn hơn nhiều lần số vốn vay, nhưng doanh nghiệp vẫn phải thuê một đơn vị độc lập thẩm định giá trị tài sản của doanh nghiệp dẫn đến phát sinh chi phí và thời gian. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành chức năng nghiên cứu có giải pháp khắc phục tình trạng trên”.*

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 23/01/2013 của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (gọi chung là TCTD), tài sản bảo đảm để khấu trừ khi tính số tiền trích lập dự phòng cụ thể phải được định giá, xác định giá trị bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp³:

(i) Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của TCTD và các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127 Luật các TCTD;

(ii) Tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng trở lên, trừ những trường hợp quy định tại điểm (i).

³ Trừ các tài sản bảo đảm có giá trị được xác định trên thị trường chính thức như vàng, trái phiếu Chính phủ được niêm yết, chứng khoán doanh nghiệp đã được niêm yết.

Quy định nêu trên làm phát sinh thêm chi phí cho các TCTD và khách hàng vay nhưng đây là quy định cần thiết nhằm đảm bảo các TCTD xác định chính xác giá trị thị trường của tài sản bảo đảm khi tính dự phòng phải trích và hạn chế việc TCTD định giá tài sản bảo đảm cao hơn giá trị thực tế, làm giảm số tiền phải trích lập dự phòng và phản ánh không xác thực kết quả kinh doanh.

Nhằm tiết giảm chi phí và thời gian cho các TCTD cũng như khách hàng vay trong việc định giá tài sản bảo đảm, NHNN đã ban hành Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN cho phép TCTD được sử dụng kết quả định giá của tổ chức thẩm định giá trong thời hạn tối đa 12 tháng.

Ngoài ra, theo quy định tại Luật các TCTD năm 2010, TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD theo quy định của pháp luật. Do vậy, trên tinh thần hỗ trợ cùng tháo gỡ khó khăn, khách hàng và TCTD có thể thỏa thuận thống nhất việc chia sẻ nghĩa vụ trả phí cho tổ chức thẩm định giá tài sản bảo đảm.

Trên đây là ý kiến trả lời của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung kiến nghị của cử tri thành phố Hà Nội. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ của cử tri đối với hoạt động ngân hàng./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Quốc hội (Vụ Dân nguyện);
- Văn phòng Chính phủ (Vụ III); ✓
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Vụ TDCNKT,QLNH,CQTTGSNH;
- NHNN CN Tp.Hà Nội;
- Lưu VP, VP1 (04 bản). ✓



THÔNG ĐỐC

Nguyễn Văn Bình